

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HS-PT

Ngày 25-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số C, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm spa; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị G; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc D: Ông Trần Nhật Long H là Luật sư - Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thịnh P1, sinh năm 2003; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An; nơi cư trú: Số C, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. Ông Võ Trúc T (D1), sinh năm 1971; nơi cư trú: Số D, Ấp B, xã N, thành

phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số A T, Khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 302, tờ bản đồ số 9, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện trên thửa đất có ngôi mộ của con gái bà Nguyễn Thúy M được xây bằng xi măng, cắm bia ghi tên Nguyễn Thị Minh P2 (sinh năm 1982, tử ngày 26-05-2011, hưởng dương 30 tuổi) được rào lưới B40 xung quanh. Nguyễn Ngọc D có mặt tại hiện trường nhưng cho rằng đây là mộ giả mà bà Nguyễn Thúy M đã xây dựng để phục vụ tranh chấp nên xảy ra cựa cãi dẫn đến đánh nhau giữa bà M và D. Sau khi việc xem xét, thẩm định của Tòa án kết thúc, D điện thoại cho Nguyễn Thịnh P1 (bạn trai của D) đang làm spa ở thành phố M, tỉnh Tiền Giang kể lại sự việc bị bà M đánh và nói với P1 là bà Đặng Thị H1 (mẹ của Đỗ Tấn Đ) có thuê người đập phá ngôi mộ của P2 và kêu P1 chờ người của bà H1 đến để cho họ có giang đi về chung thì P1 đồng ý. Một lúc sau, có 04 người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) đến chỗ làm của P1, P1 mượn xe ô tô biển số 63A - 118.78 của Nguyễn Minh N rồi lên xe hướng dẫn và đi cùng với 04 người này về xã N, thành phố B. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, nhóm của P1 về đến xã N, D ra đón, dẫn đường và chỉ ngôi mộ của P2 trên thửa đất số 302 cho cả nhóm nhìn thấy. Sau đó, D cùng với P1 và 04 người thanh niên nêu trên vào nhà của D lấy búa, xà beng đi ra khu mộ của P2. Lúc này, trong nhóm của P1 có người kêu D mượn thêm dụng cụ để đập phá ngôi mộ nên D điện thoại gọi cho Võ Trúc T nhờ lấy thêm búa đem ra đập ngôi mộ của P2 thì T đồng ý nên T vào lấy cái búa của T để ở nhà bà G đem ra đưa cho nhóm của P1, rồi quay về nhà. Nhóm của P1 đã sử dụng búa, xà beng tháo dỡ lưới B40, đập phá ngôi mộ và khiêng bia mộ của P2 đem bỏ cạnh biển báo đầu lộ BOT. Sau khi đập phá xong ngôi mộ của P2, D điện thoại cho T trở ra phụ vác 02 trụ rào khu mộ của P2 ra để ở cặp lộ BOT và lấy búa, xà beng đem về nhà bà G. Sau đó thì hành vi của D, P1, T cùng các đồng phạm bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 cây xà beng bằng kim loại màu nâu có bám chất màu trắng trên thân và hai

đầu, hai đầu có một đầu dẹp một đầu có khe, dài 43,5cm;

- 01 cái búa, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại một bên dẹp một bên vuông đã rỉ sét, dài toàn bộ 32,5cm (do Võ Trúc T giao nộp).

Qua khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đến đã khai quật phía dưới vị trí ngôi mộ bị đập phá phát hiện một tấm bê tông kích thước 43cm x 80cm, bên dưới tấm bê tông có chôn 01 lọ bằng sành màu xanh trắng có đường kính miệng 10cm, cao 18cm; bên trong lọ sành đựng túi nylon có chứa chất, vật màu trắng đen nên tiến hành thu giữ một phần chất, vật màu trắng đen để giám định (sau khi thu giữ được niêm phong trong túi nylon có ký hiệu N32 số 1903556).

Theo Kết luận giám định số 230/C09B ngày 27/01/2022 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu nghi là hài cốt là xương người. Không phân tích được kiểu gen hoàn chỉnh nên không truy nguyên được cá thể.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm “Tội xâm phạm mồ mả”;

Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 17/4/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc D kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo;

- Ngày 18/4/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M kháng cáo toàn bộ Bản án liên quan đến bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, chỉ có ý kiến xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc D theo khoản 2 Điều

319 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng hình phạt đối với bị cáo D.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm “Tội xâm phạm mồ mả” theo khoản 1 Điều 319 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo D cung cấp thêm tình tiết mới là nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bà M nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo D, tuy nhiên xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo D là phù hợp, kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo D không có cơ sở chấp nhận; đối với bà M đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, đ khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 06 tháng tù về “Tội xâm phạm mồ mả”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo D không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo D tranh luận: Xuất phát từ việc bà M chôn cất hài cốt chị P3 trên đất đang tranh chấp nên dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo D. Hiện nay mẹ của bị cáo thường xuyên bị bệnh, bị cáo có nghề nghiệp ổn định, là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ bị bệnh; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp tại cơ quan Thi hành án số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bà M nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M tranh luận: không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo.

- Bị cáo D nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo

để có điều kiện chăm sóc cho mẹ và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ ngày 30/11/2021; Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thịnh P1 và Võ Trúc T đã có hành vi câu kết với 04 thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đập phá ngôi mộ có chôn hủ tro cốt xương người, bia mộ ghi tên Nguyễn Thị Minh P2 tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ở ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi đập phá mồ mả của người khác khi không có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không được sự đồng ý của thân nhân của mồ mả đó; bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến thế giới tình cảm tâm linh của con người mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm “Tội xâm phạm mồ mả” theo khoản 1 Điều 319 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc D yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo D có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo D có vai trò là người đề xuất, rủ rê các bị cáo khác thực hiện tội phạm. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo D “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo D 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù bị cáo D phạm tội có khung hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo D nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thúy M. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội với vai trò tích cực, là người rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi đập phá mồ mả, đã xâm phạm đến thế giới tâm linh rất thiêng liêng của con người theo phong tục, tập quán và truyền thống của dân tộc Việt Nam, đã xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm đạo đức xã hội, kể từ khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi xét xử sơ thẩm xong thì bị cáo vẫn chưa bồi thường khoản tiền nào cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chỉ đến khi chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì bị cáo mới nộp tại cơ quan thi hành án số tiền 5.000.000 đồng để bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo D 06 tháng tù và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung;

Đối với vụ án này khách thể của tội phạm là xâm phạm trật tự công cộng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bà M đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, chỉ có ý kiến xét xử bị cáo D theo khoản 2 Điều 319 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng hình phạt

đối với bị cáo D, xét thấy việc bà M rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà M là phù hợp; đối với ý kiến của bà M xét xử bị cáo D theo khoản 2 Điều 319 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng hình phạt bị cáo D là không phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo D có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo D nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thúy M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị cho bị cáo D được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Tại cấp phúc thẩm bị cáo D có nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000940 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho bị cáo D là phù hợp.

[8] Về án phí: bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a, đ khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc D; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thúy M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 06-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58;

Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 06 (sáu) tháng tù về “Tội xâm phạm mồ mả”;
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000940 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để bảo đảm thi hành án cho bị cáo Nguyễn Ngọc D.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã N, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông